PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1388/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-TW ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 36/TTr-BTNMT ngày 07 tháng 5 năm 2013, công văn số 2629/BTNMT-ĐCKS ngày 10 tháng 7 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030" với những nội dung chính như sau:

1. Quan điểm:

a) Quy hoạch công tác điều tra, phát hiện khoáng sản cùng với việc lập bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản biển, bản đồ chuyên đề và nghiên cứu chuyên đề về địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 đối với đất liền và tỷ lệ 1:500.000 trở lên ở các vùng biển Việt Nam gắn với điều tra

chi tiết, nhằm làm rõ cấu trúc, lịch sử phát sinh, phát triển của vỏ trái đất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

b) Ưu tiên công tác đánh giá tiềm năng tài nguyên từng loại, nhóm khoáng sản quan trọng, đặc biệt là trong các cấu trúc địa chất, có triển vọng khoáng sản đến độ sâu 500m và một số vùng đến 1.000m nhằm làm rõ tiềm năng từng loại khoáng sản phục vụ nhu cầu thăm dò, khai thác chế biến sử dụng và dự trữ khoáng sản quốc gia hợp lý;

c) Đẩy mạnh công tác điều tra chi tiết các loại khoáng sản có triển vọng trên các vùng biển Việt Nam;

d) Huy động nguồn lực trong nước kết hợp với hợp tác quốc tế nhằm nâng cao trình độ công nghệ, tăng nguồn vốn đầu tư; đẩy nhanh tiến độ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

đ) Kết quả công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phải phục vụ đắc lực cho công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, gắn với bảo vệ môi trường và là nguồn dữ liệu quan trọng để dự báo và xây dựng biện pháp phòng tránh thiên tai ở Việt Nam, đáp ứng hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu:

a) Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản

Hoàn thành công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 ở vùng tập trung khoáng sản và gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế vùng, miền; điều tra tỷ lệ 1:500.000 gắn với điều tra chi tiết khu vực có triển vọng khoáng sản ở các vùng biển Việt Nam, tiếp tục điều tra tai biến địa chất, địa chất môi trường, nghiên cứu chuyên đề về địa chất; làm rõ hơn về cấu trúc địa chất, mức độ phân bố khoáng sản và khoanh định các diện tích có triển vọng về khoáng sản làm cơ sở cho việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

b) Đánh giá khoáng sản

Đến năm 2020, hoàn thành công tác đánh giá tổng thể tiềm năng các loại khoáng sản, trọng tâm là than, sắt, chì - kẽm, vàng, thiếc, mangan, quặng phóng xạ, kaolin, felspat, đá ốp lát và các khoáng sản có nhu cầu lớn trong nước làm cơ sở quy hoạch thăm dò, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến và dự trữ khoáng sản quốc gia.

Đầu tư đánh giá, phát hiện các mỏ mới trong các cấu trúc thuận lợi đến độ sâu 1000m và khoáng sản biển ở độ sâu trên 300m nước.

c) Tăng cường năng lực, hợp tác quốc tế

Nâng cao trình độ khoa học và công nghệ: Đẩy mạnh nghiên cứu và đào tạo, đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến; củng cố và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về địa chất, khoáng sản thống nhất trên phạm vi cả nước.

Xây dựng các đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, trong đó chú trọng hợp tác quốc tế để ứng dụng công nghệ cao, đầu tư kinh phí lớn.

d) Bảo vệ môi trường

Đến năm 2020 có dữ liệu về địa chất, khoáng sản đáp ứng nhu cầu xây dựng, thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và phòng tránh tai biến có hiệu quả.

3. Nhiệm vụ:

Đến nay, công tác điều tra lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 đã hoàn thành 196.000km^2 bằng 57,37% diện tích phần đất liền; công tác điều tra địa chất, địa hóa, khoáng sản, môi trường tỷ lệ 1:500.000 ở độ sâu từ 0 đến 100m nước đã hoàn thành 245.261km^2 bằng 24,5% diện tích biển Việt Nam, trên một số vùng biển ven bờ đã được điều tra ở tỷ lệ 1:50.000 và 1:100.000. Quy hoạch này gồm các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

a) Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về địa chất, khoáng sản

- Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản

+ Giai đoạn đến năm 2015:

Hoàn thành công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000, điều tra, đánh giá các nguy cơ tai biến địa chất của 10 nhóm tờ đã được triển khai trước năm 2010. Điều tra đánh giá và dự báo các khu vực có nguy cơ trượt lở đất. Công tác điều tra địa chất khoáng sản các vùng biển tập trung các nhiệm vụ đang thi công, đồng thời dự kiến thi công giai đoạn I Đề án "Điều tra chi tiết địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa chất môi trường, địa chất tai biến trên các đảo và vùng biển ven đảo của Việt Nam", ưu tiên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa;

Điều tra đặc điểm địa chất, địa động lực, địa chất khoáng sản, địa chất môi trường và dự báo tai biến địa chất vùng biển Bình Thuận - Cà Mau đến độ sâu 300m nước tỷ lệ 1:500.000. Nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoanh định các cấu trúc địa chất có triển vọng khí hydrate ở các vùng biển Việt Nam;

Triển khai công tác bay đo từ phổ gamma và trọng lực tỷ lệ 1:50.000 - 1:25.000 vùng Tây Nghệ An. Triển khai các nhiệm vụ bay đo từ phổ gamma trọng lực các vùng biển Việt Nam.

+ Giai đoạn 2015 - 2020:

Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000, điều tra, đánh giá các nguy cơ tai biến địa chất của 15 nhóm tờ phần đất liền thuộc các tỉnh vùng trung du miền núi Bắc Bộ và một số vùng Tây Nguyên;

Bay đo từ phổ gamma và trọng lực tỷ lệ 1:50.000 - 1:25.000 vùng Bắc Kạn - Tuyên Quang, Thanh Hóa, Lào Cai - Yên Bái; tiếp tục bay đo từ phổ gamma trọng lực các vùng biển Việt Nam;

Hoàn thành điều tra địa chất, khoáng sản, địa chất môi trường, địa động lực, tai biến địa chất tỷ lệ 1:500.000 gắn với điều tra chi tiết khu vực có triển vọng khoáng sản ở các vùng biển Việt Nam còn lại; hoàn thành Đề án "Nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoanh định các cấu trúc địa chất có tiềm năng và triển vọng khí hydrate ở các vùng biển Việt Nam".

+ Giai đoạn 2020 - 2030:

Lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 tại 10 nhóm tờ còn lại thuộc các tỉnh Tây Nguyên, vùng đồng bằng Nam Bộ, Bắc Bộ.

Bay đo từ phổ gamma và trọng lực tỷ lệ 1:50.000 - 1:25.000 vùng Đắk Glei - Khâm Đức, rìa Đông Bắc đới Lô Gâm, Lai Châu - Sơn La và các vùng biển Việt Nam còn lại.

- Công tác nghiên cứu chuyên đề gắn với điều tra địa chất về khoáng sản

Trong quá trình lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản giai đoạn đến năm 2020 tiến hành công tác nghiên cứu các chuyên đề về thạch luận, địa tầng, kiến tạo, sinh khoáng tổng thể và theo đới cấu trúc, các kiểu mỏ khoáng sản và dự báo diện tích triển vọng trên mặt và dưới sâu. Điều tra tổng thể di sản địa chất làm cơ sở phục vụ xây dựng và phát triển công viên địa chất ở nước ta.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về địa chất, khoáng sản

Xây dựng, triển khai thực hiện dự án nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Dự kiến đến 2015 thực hiện Pha 1 Đề án "Nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản" nhằm đạt mục tiêu tin học hóa tối đa công tác thu thập tài liệu điều tra cơ bản địa chất khoáng sản tại thực địa và 100% công tác tổng hợp báo cáo trong phòng được tin học hóa và đặt trong môi trường GIS thống nhất, đủ tiêu chuẩn hội nhập quốc tế.

Từ năm 2015 đến năm 2020 hoàn thành cơ sở dữ liệu địa chất khoáng sản, đảm bảo lưu giữ thống nhất hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin thống nhất trên phạm vi cả nước về địa chất và khoáng sản. Xây dựng Trung tâm Thông tin Lưu trữ Địa chất có đủ cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới.

Củng cố và mở rộng Bảo tàng Địa chất trong phòng cũng như ngoài trời, lưu giữ, bảo quản hệ thống các mẫu vật địa chất, khoáng sản và các thông tin liên quan, đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác quản lý, điều tra, phổ biến kiến thức cho cộng đồng xã hội. Tăng cường năng lực và hiện đại hóa hệ thống trưng bày mẫu vật ở các cơ sở Bảo tàng Địa chất.

b) Đánh giá tiềm năng từng loại, từng nhóm khoáng sản; xác định vùng có triển vọng về khoáng sản.

Ưu tiên đánh giá tổng thể tiềm năng từng loại, từng nhóm khoáng sản quan trọng theo định hướng Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Cụ thể:

- Giai đoạn đến năm 2015:

Hoàn thành đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản các đề án đang thi công và các đề án Chính phủ giao: Điều tra đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng bauxit, quặng sắt laterit miền Nam Việt Nam; Đánh giá tiềm năng tài nguyên urani Việt Nam.

Cơ bản hoàn thành Đề án điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên than phần đất liền, bể sông Hồng và các đề án đánh giá tổng thể tiềm năng một số loại khoáng sản có nhu cầu sử dụng trong nước.

- Giai đoạn 2015 - 2020:

Đánh giá tổng thể tiềm năng các loại khoáng sản vàng, chì - kẽm, thiếc, đồng nhằm xác định tổng thể tiềm năng và lựa chọn chính xác các khu vực có tiềm năng triển vọng khoáng sản; đánh giá tiềm năng khoáng sản ẩn sâu ở các khu vực có cấu trúc thuận lợi đối với quặng chì - kẽm, thiếc và vàng.

Đánh giá tổng thể tiềm năng một số khoáng sản có nhu cầu lớn theo vùng phục vụ quy hoạch thăm dò khai thác và dự trữ khoáng sản quốc gia.

- Giai đoạn 2020 - 2030:

Đánh giá tiềm năng khoáng sản ẩn sâu ở các khu vực có triển vọng phát hiện mỏ mới, ưu tiên đối với quặng thiếc và vàng. Đánh giá khoáng sản ở các khu vực có triển vọng trên các vùng biển Việt Nam.

Danh mục các đề án, thời gian thực hiện như các Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo.

c) Tăng cường năng lực khoa học công nghệ công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản:

- Thiết bị phân tích, thí nghiệm: Bổ sung và trang bị mới thiết bị hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu phân tích các loại mẫu địa chất và khoáng sản, chú ý đầu tư thiết bị để củng cố, phát triển phương pháp phân tích đồng vị;

- Thiết bị địa vật lý: Đầu tư bổ sung các thiết bị hiện đại (máy đo địa chấn, trọng lực, từ và điện) phục vụ đo địa vật lý trên mặt và dưới sâu; thiết bị đo địa vật lý lỗ khoan đến chiều sâu 2.000m;

- Các loại thiết bị khác: Đầu tư bổ sung thiết bị phân tích viễn thám để hình thành Trung tâm giải đoán ảnh viễn thám đủ mạnh ngang tầm khu vực; thiết bị khoan sâu đến 1.200m và các phương tiện vận chuyển đảm bảo cho công tác điều tra địa chất trên đất liền và biển;

- Nâng cao năng lực: Kiện toàn và xây dựng các đơn vị điều tra cơ bản địa chất theo hướng tinh gọn, có năng lực và trình độ chuyên môn cao, có trang thiết bị điều tra và xử lý tài liệu hiện đại.

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

- Hoàn thiện, đổi mới chính sách, cơ chế quản lý, cấp phát, quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các hoạt động điều tra cơ bản địa chất phù hợp với Luật ngân sách và tình hình thực tế;

- Xây dựng cơ chế quản lý, cấp vốn đầu tư cho hoạt động điều tra cơ bản địa chất bằng nguồn thu từ các hoạt động khoáng sản;

- Đổi mới, hoàn thiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phù hợp với trình độ phát triển và năng lực công nghệ tiên tiến của các nước trong khu vực;

- Tập trung đầu tư nghiên cứu, lựa chọn các phương pháp, thiết bị tiên tiến, hiện đại có độ chính xác cao, sử dụng có hiệu quả trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và phân tích thí nghiệm các loại mẫu vật địa chất, khoáng sản;

- Khoanh định các khu vực để xây dựng danh mục các đề án thuộc diện khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào công tác hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

- Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu và dự báo khoáng sản đối với các cấu trúc sâu có tiềm năng khoáng sản để phát hiện mỏ mới; hợp tác để tiếp cận các thành tựu khoa học địa chất của các nước tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng các phương pháp, thiết bị, công nghệ hiện đại trong công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Ưu tiên hợp tác quốc tế đối với các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản các vùng biển của Việt Nam.

5. Kinh phí thực hiện

a) Dự kiến vốn đầu tư theo kỳ Quy hoạch

- Kinh phí dành cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phần đất liền đến năm 2020 dự kiến khoảng 3.900 tỷ đồng, trong đó:

+ Giai đoạn đến năm 2015 dự kiến là 1.000 tỷ đồng;

+ Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 dự kiến là 2.900 tỷ đồng.

- Kinh phí dành cho công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản các vùng biển Việt Nam dự kiến khoảng 3.800 tỷ đồng, trong đó:

+ Giai đoạn đến năm 2015 dự kiến là 2.200 tỷ đồng;

+ Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 dự kiến là 1.600 tỷ đồng.

- Giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030 được dự kiến khoảng 2.900 tỷ đồng. Trên cơ sở kết quả điều tra đến năm 2020, các nhiệm vụ và vốn đầu tư sẽ được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

Kinh phí từng dự án cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Nguồn vốn

- Kinh phí đầu tư cho thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được thực hiện từ các nguồn bao gồm:

+ Nguồn ngân sách nhà nước (chi sự nghiệp kinh tế); các nguồn thu từ tiền hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phần nhà nước đã đầu tư; nguồn thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

+ Nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tham gia góp vốn điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đối với các đề án trong danh mục đề án thuộc diện khuyết khích đầu tư được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện Quy hoạch;

- Lập danh mục đề án thuộc diện khuyến khích tham gia đầu tư bằng vốn của tổ chức, cá nhân trên cơ sở danh mục các đề án thuộc Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, công bố để các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn đầu tư, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo Quy hoạch;

- Đánh giá tiến độ, chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện các nhiệm vụ theo Quy hoạch. Công tác đánh giá được tiến hành hai lần trong kỳ quy hoạch (05 năm), báo cáo Chính phủ, làm căn cứ để triển khai thực hiện tiếp.

2. Trên cơ sở kết quả đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả đầu tư các đề án theo Quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối nguồn thu từ các hoạt động khoáng sản, bố trí kinh phí để thực hiện Quy hoạch đúng tiến độ.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm cho việc triển khai công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch trên phạm vi quản lý hành chính của tỉnh, thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I

CÁC ĐỀ ÁN LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT VÀ ĐIỀU TRA KHOÁNG SẢN ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 1. Các đề án lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 (phần đất liền)

STT	Tên nhóm tờ	Số hiệu bản đồ	Diện tích (km^2)	Tọa độ địa lý	Khoáng sản trọng tâm	Ghi chú
I. Đến năm 2015: Hoàn thành 10 đề án đang thi công						
1	Đồng Văn (Hà Giang)	1.D	1.200	23°00’ - 23°24’ 105°15’- 105°45’	Thủy ngân, antimon, vàng, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
2	Phố Lu - Bắc Than Uyên (Lào Cai, Lai Châu)	2.D	1.900	22°00’- 22°10’ 103°30’- 104°00’ 22°10’- 22°30’ 104°00’- 104°15’	Sắt, đồng, vàng khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
3	Mộc Châu (Sơn La, Hòa Bình)	3.D	2.260	20°30’ - 21°00’ 104°25’- 105°00’	Vàng, chì - kẽm, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
4	Bắc Giang (Bắc Giang, Lạng Sơn)	4.D	2.880	21°00’ - 21°30’ 106°00’- 106°30’	Vàng, đồng, thủy ngân, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	

STT	Tên nhóm tờ	Số hiệu bản đồ	Diện tích (km^2)	Tọa độ địa lý	Khoáng sản trọng tâm	Ghi chú
5	Kim Sơn (Nghệ An)	5.D	2.640	19°20' - 20°00' 104°30'- 105°00'	Vàng, khoáng chất công nghiệp	
6	Kon Plong (Kon Tum, Gia Lai)	6.D	2.000	14°20' - 14°40' 108°00'- 108°30'	Vàng, dolomit, bauxit, xạ hiếm, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
7	Kong Chro (Gia Lai, Bình Định)	7.D	3.000	13°30' - 14°00' 108°30'- 109°00'	Vàng, thiếc, wolfram khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
8	Đèo Bảo Lộc (Lâm Đồng, Bình Thuận)	8.D	2.020	11°10' - 11°30' 107°30'- 108°00'	Vàng, thiếc, đá quý, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
9	Tân Biên (Tây Ninh)	9.D	4.506	11°00' - 11°45' 105°45'- 106°30'	Khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
10	Văn Chấn (Yên Bái)	10.D	1.900	21°20' - 21°50' 104°30'- 105°00'	Vàng, sắt, khoáng chất công nghiệp	
II. Đến năm 2020: Hoàn thành 15 đề án						
11	Hoàng Su Phì (Hà Giang)	1	950	22°30' - 22°52' 104°30'- 104°45' Biên giới với Trung Quốc	Thiếc, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	

STT	Tên nhóm tờ	Số hiệu bản đồ	Diện tích (km^2)	Tọa độ địa lý	Khoáng sản trọng tâm	Ghi chú
12	Mường Nhé (Lai Châu)	2	2.220	22°10’ - 22°47’ 102°08’- 102°55’	Vàng, đồng, khoáng chất công nghiệp	
13	Mường Toỏng (Lai Châu)	3	1.860	21°39’ - 22°10’ 102°20’- 103°00’	Vàng, đồng, khoáng chất công nghiệp	
14	Tú Lệ (Lào Cai, Yên Bái)	4	2.400	21°20’ - 21°50’ 104°00’- 104°30’	Vàng, đồng, chì - kẽm, khoáng chất công nghiệp	
15	Đình Lập - Uông Bí (Quảng Ninh, Lạng Sơn)	5	3.220	21°20’ - 21°40’ 107°00’- 107°15’ 20°45’ - 21°20’ 106°00’- 107°00’	Đồng, vàng, than antracit, khoáng chất công nghiệp	
16	Sông Mã (Sơn La)	6	2.940	20°39’ - 21°10’ 102°54’- 104°00’	Vàng, chì - kẽm, thủy ngân - antimon, khoáng chất công nghiệp	
17	Thanh Hóa - Lang Chánh (TP.Thanh Hóa, Lang Chánh)	9	2.924	20°00’ - 20°10’ 104°48’- 105°15’ 19°30’ - 20°00’ 105°30’- 106°00’	Vàng, khoáng chất công nghiệp và khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
18	Con Cuông (Nghệ An)	11	3.050	18°45’ - 19°10’ 104°11’- 105°15’	Vàng, thiếc, khoáng chất công nghiệp	

STT	Tên nhóm tờ	Số hiệu bản đồ	Diện tích (km^2)	Tọa độ địa lý	Khoáng sản trọng tâm	Ghi chú
19	Hương Sơn (Hà Tĩnh)	12	1.550	18°20’ - 18°45’ 104°55’- 105°30’	Vàng, thiếc, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
20	Tu Mơ Rông (Kon Tum)	15	1.500	14°40’ - 15°00’ 107°45’- 108°15’	Vàng, đá quý, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
21	Kan Nack (Gia Lai)	16	2.410	14°00’ - 14°20’ 108°00’- 108°45’	Vàng, đá quý, khoáng chất công nghiệp, bauxit, xạ hiếm, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
22	Ia Meur (Gia Lai)	17	2.660	13°30’ - 14°10’ 107°25’- 108°00’	Vàng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
23	Ea Sup (Đắk Lắk)	19	3.820	12°45’ - 13°30’ 107°30’- 108°00’	Vàng, barit, đá quý khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
24	Bù Đăng - Bảo Lộc (Lâm Đồng, Đắk Nông)	23	3.420	11°30’ - 12°00’ 107°00’- 108°15’	Thiếc, wolfram, thạch anh tinh thể, khoáng sản làm vật liệu xây dựng, bauxit, than nâu, sét bentonit	
25	Buôn Đôn (Đắk Lắk)	21	3.150	12°20’ - 13°00’ 108°00’- 108°45’	Vàng, antimon và khoáng sản làm vật liệu xây dựng	

STT	Tên nhóm tờ	Số hiệu bản đồ	Diện tích (km^2)	Tọa độ địa lý	Khoáng sản trọng tâm	Ghi chú
III. Đến năm 2030: Hoàn thành 10 đề án						
26	Hải Dương (Hải Dương, Bắc Giang, Hưng Yên)	7	1.970	20°40’ - 21°00’ 105°45’- 106°31’	Khoáng chất công nghiệp và khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
27	Ninh Bình (Ninh Bình, Thanh Hóa)	8	1.940	20°00’ - 20°20’ 105°30’- 106°00’	Thủy ngân, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
28	Tĩnh Gia (Thanh Hóa, Nghệ An)	10	1.940	19°00’ - 19°30’ 105°15’- 105°50’	Khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
29	Đông Thọ (Hà Tĩnh, Quảng Bình)	13	2.450	17°50’ - 18°23’ 105°30’- 106°18’	Vàng, mangan, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
30	Khe Cát - Lệ Thủy (Quảng Bình)	14	2.870	17°05’ - 17°30’ 105°58’- 107°00’	Vàng, chì - kẽm, khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
31	Chư Sê (Gia Lai)	18	1.950	13°40’ - 14°00’ 108°00’- 108°30’	Sét chịu lửa, đá ốp lát, kaolin, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
32	Ea H’ Leo (Đắk Lắk)	20	2.100	13°00’ - 13°30’ 108°00’- 108°30’	Vàng, barit, đá quý khoáng sản làm vật liệu xây dựng	
33	Đắk Mil (Đắk Lắk)	22	2.650	12°00’ - 12°45’ 107°00’- 108°00’	Đá quý, antimon, khoáng sản làm vật liệu xây dựng	

STT	Tên nhóm tờ	Số hiệu bản đồ	Diện tích (km^2)	Tọa độ địa lý	Khoáng sản trọng tâm	Ghi chú
34	Châu Đốc (An Giang, Đồng Tháp)	24	5.115	10°30’ - 11°00’ 105°00’- 106°00’	Sét gạch ngói, cát sạn sỏi, đá xây dựng, than bùn	
35	Tân An (Long An)	25	3.050	10°30’ - 11°00’ 106°00’- 106°45’	Sét gạch ngói, than bùn, cát, cuội, sỏi, vật liệu san lấp	
	Tổng (35 đề án)		**88.415**			

Bảng 2. Các đề án lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản vùng biển Việt Nam

TT	Danh mục nhiệm vụ, đề án	Diện tích (km^2)	Ghi chú
I. Đến năm 2015			
1	Điều tra đặc điểm địa chất, địa động lực, địa chất khoáng sản, địa chất môi trường và dự báo tai biến địa chất vùng biển Thừa Thiên Huế - Bình Định (0 - 60 m nước), tỷ lệ 1:100.000	9.500	Đang thi công (hoàn thành trước 2015)
2	Điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 dải ven biển Nga Sơn đến Diễn Châu từ 0 - 30m nước	8.500	Đang thi công (hoàn thành trước 2015)
3	Nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoanh định các cấu trúc địa chất có tiềm năng và triển vọng khí hydrate ở các vùng biển Việt Nam	150.100	Dự kiến 2017 hoàn thành
4	Điều tra đặc điểm địa chất, địa động lực, địa chất khoáng sản, địa chất môi trường và dự báo tai biến địa chất vùng biển Bình Thuận - Cà Mau đến độ sâu 300m nước tỷ lệ 1:500.000	117.800	
5	Điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 dải ven biển Diễn Châu (Nghệ An) đến Quảng Trị từ 0 - 30m nước	17.000	Dự kiến 2018 hoàn thành

TT	Danh mục nhiệm vụ, đề án	Diện tích (km^2)	Ghi chú
6	Điều tra chi tiết địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa chất môi trường, địa chất tai biến trên các đảo và vùng biển ven đảo của Việt Nam	(Dự kiến khoảng 30 đảo)	Mở nhiệm vụ và thi công trên đảo Trường Sa trước
II. Đến năm 2020			
-	Tiếp tục thi công Đề án "Điều tra chi tiết địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa chất môi trường, địa chất tai biến trên các đảo và vùng biển ven đảo của Việt Nam"		
-	Tiếp tục thi công Đề án "Nghiên cứu, điều tra, đánh giá khoanh định các cấu trúc địa chất có tiềm năng và triển vọng khí hydrate ở các vùng biển Việt Nam"		
7	Điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản biển sâu (lớn hơn 300m nước) các vùng đặc quyền kinh tế trên Biển Đông của Việt Nam tỷ lệ 1:500.000 - 1:1.000.000 và điều tra chi tiết các khu vực có triển vọng khoáng sản	360.000	Dự kiến hợp tác quốc tế
III. Đến năm 2030: Hoàn thành 4 đề án			
8	Điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 vùng biển 0 - 30m nước từ Vũng Tàu đến Trà Vinh	9.735	
9	Điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 vùng biển 0 - 30m nước từ Sóc Trăng đến Kiên Giang	32.520	
10	Điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 vùng biển 0 - 30m nước từ Hải Phòng đến Nga Sơn (Thanh Hóa)	14.580	
11	Điều tra địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 vùng nước lịch sử Việt Nam - Campuchia	9.000	Dự kiến hợp tác quốc tế

Bảng 3. Các đề án bay đo địa vật lý

TT	Tên vùng	Vị trí địa lý	Mục tiêu nhiệm vụ	Tỷ lệ	Diện tích (km^2)
I. Đến năm 2020: Hoàn thành 5 đề án					
1	Tây Nghệ An	Nghệ An	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực; đối tượng khoáng sản là vàng, thiếc	1:50.000 - 1:25.000	6.800
2	Biển Việt Nam	Biển Việt Nam	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực	1:250.000	Thực hiện theo đề án 47
3	Cấu trúc nếp lồi Cẩm Thủy	Thanh Hóa	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực; đối tượng khoáng sản là antimon, vàng	1:50.000 - 1:25.000	2.780
4	Lào Cai - Yên Bái	Lào Cai, Yên Bái	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực; đối tượng khoáng sản là đồng, urani, đất hiếm	1:50.000 - 1:25.000	5.968
5	Bắc Kạn - Tuyên Quang	Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực; đối tượng khoáng sản là chì - kẽm, đồng, vàng	1:50.000 - 1:25.000	7.500
II. Đến năm 2030: Hoàn thành 3 đề án					
6	Đắk Glei - Khâm Đức	Quảng Nam, Kon Tum	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực; đối tượng khoáng sản là vàng	1:50.000 1:25.000	3.700
7	Rìa Đông Bắc đới Lô Gâm	Hà Giang, Bắc Kạn, Tuyên Quang	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực; đối tượng khoáng sản là chì - kẽm, đồng, vàng, kim loại hiếm	1:25.000	6.230
8	Lai Châu - Sơn La	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La	Bay đo từ phổ gamma và trọng lực; đối tượng khoáng sản là chì - kẽm, đồng	1:25.000	635

Bảng 4. Các đề án nghiên cứu địa chất về khoáng sản

TT	Tên đề án chuyên đề	Ghi chú
I. Đến năm 2015: Hoàn thành 2 đề án		
1	Điều tra, đánh giá tiềm năng di sản địa chất trên lãnh thổ Việt Nam	
2	Xác lập các cấu trúc sâu chứa khoáng sản vàng, đồng, thiếc, chì - kẽm ở Việt Nam (gồm 13 cấu trúc có tiền đề dấu hiệu thuận lợi thành tạo khoáng sản ẩn sâu)	
II. Đến năm 2020: Hoàn thành 5 đề án		
3	Các chuyên đề thạch luận đá magma	
4	Các chuyên đề thạch luận đá trầm tích: Tổng hợp xuất bản chuyên khảo	
5	Tổng hợp, xuất bản các chuyên khảo khoáng vật và địa tầng	
6	Các chuyên đề khoáng vật và địa chất đồng vị	
7	Nghiên cứu phân định các cấu trúc địa chất sâu có khả năng lưu giữ an toàn chất thải phóng xạ, CO_2 và các chất thải độc hại khác	

Bảng 5. Các đề án xây dựng cơ sở dữ liệu và bảo tàng địa chất

TT	Danh mục dự án	Ghi chú
I. Đến năm 2015: Hoàn thành 1 đề án		
	Nâng cao năng lực thiết bị công nghệ thông tin, phương tiện lưu giữ, quản lý tài liệu, mẫu vật trong các đơn vị địa chất giai đoạn 2010 - 2020	
II. Đến năm 2020: Hoàn thành 2 đề án		
1	Tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đầu tư tin học hóa toàn bộ tài liệu nguyên thủy địa chất khoáng sản để lưu giữ tập trung đáp ứng nhu cầu quản lý và cung cấp trực tuyến trên trang thông tin điện tử	
2	Bảo tàng Địa chất: Tăng cường năng lực và hiện đại hóa hệ thống trưng bày mẫu vật của hai cơ sở Bảo tàng Địa chất	

Phụ lục II
CÁC ĐỀ ÁN ĐÁNH GIÁ
TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 6. Các đề án đánh giá tiềm năng khoáng sản đang thi công

STT	Tên đề án đang thi công	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
1	Đánh giá tiềm năng quặng chì - kẽm vùng Bản Lìm, Phia Đăm, tỉnh Cao Bằng và Bắc Kạn	2006	2013	
2	Đánh giá tiềm năng quặng chì - kẽm vùng Trung Sơn - Trung Minh huyện Yên Sơn, Tuyên Quang	2009	2015	
3	Đánh giá tiềm năng titan vùng Đồng Danh, Tuyên Quang và Khao Quế, Bắc Kạn	2009	2016	
4	Đánh giá triển vọng quặng đồng vùng Thuận Châu, tỉnh Sơn La	2008	2015	
5	Điều tra, đánh giá tiềm năng quặng molipden, đồng vùng Kim Chang Hồ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	2008	2014	Kết thúc do các khu vực có triển vọng đã chuyển cho doanh nghiệp thăm dò
6	Đánh giá tiềm năng quặng chì kẽm vùng Bản Lầu, Mường Khương, Lào Cai	2009	2016	
7	Đánh giá tiềm năng quặng chì kẽm vùng Bản Mế, Si Ma Cai, Lào Cai	2009	2016	
8	Điều tra, đánh giá tiềm năng kaolin và felspat vùng Tân Thịnh - Bằng Doãn, tỉnh Phú Thọ và tỉnh Yên Bái	2010	2016	
9	Điều tra, đánh giá tiềm năng nguyên liệu kaolin và felspat vùng Việt Thành - Nga Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	2010	2016	

STT	Tên đề án đang thi công	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
10	Đánh giá tiềm năng quặng thiếc, chì - kẽm vùng Kẻ Tăng - Nậm Giọn, huyện Anh Sơn và Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	2008	2016	
11	Đánh giá tiềm năng sét kaolin vùng Lang Chánh, Bá Thước, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	2010	2016	
12	Đánh giá triển vọng quặng puzơlan vùng Buôn Choah - Quảng Phú, Krôngno, tỉnh Đắk Nông	2008	2014	Kết thúc do nhu cầu xã hội chưa cao
13	Đánh giá tiềm năng khoáng sản barit Pò Tấu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	2009	2014	Kết thúc do quặng nghèo, phân tán và nhu cầu xã hội chưa cao
14	Đánh giá quặng urani khu Khe Lốt, tỉnh Quảng Nam	2007	2015	
15	Đánh giá triển vọng quặng fenspat vùng Trà My, Tiên Lập, tỉnh Quảng Nam	2007	2015	
16	Đánh giá quặng vermiculit khu Phố Ràng, Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	2008	2015	
17	Đánh giá tiềm năng quặng thiếc - vonfram Pia Oắc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	2009	2014	Kết thúc để chuyển thành đề án đánh giá tổng thể thiếc - vonfram các tỉnh đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn và Thái Nguyên
18	Điều tra đánh giá tiềm năng quặng magnesit, dolomit vùng Tây Sơ Ró, huyện Kon Chro, tỉnh Gia Lai	2011	2016	

Ngoài ra còn 04 đề án đã được Chính phủ giao thực hiện gồm:

- Đề án "Điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng bauxit, quặng sắt laterit miền Nam Việt Nam": Đang thi công, dự kiến kết thúc 2015;

- Đề án "Điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên than phần đất liền, bể Sông Hồng": Lập đề án năm 2011, thi công từ năm 2012, dự kiến kết thúc sau năm 2015;

- Đề án "Đánh giá tiềm năng tài nguyên urani Việt Nam": Lập đề án năm 2011, thi công từ năm 2012, dự kiến kết thúc sau năm 2015;

- Đề án "Điều tra, đánh giá và phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá các vùng miền núi Việt Nam": Lập đề án năm 2011, thi công từ năm 2012, dự kiến kết thúc giai đoạn I sau năm 2016.

Bảng 7. Các đề án đánh giá tiềm năng khoáng sản quy hoạch mới

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
I. Quặng chì - kẽm					
1	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng chì - kẽm	Làm rõ tiềm năng chì - kẽm tại Tây Bắc, Đông Bắc và một số khu vực tại Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên; khoanh định khu vực có triển vọng quặng chì kẽm để định hướng quy hoạch đánh giá, thăm dò và dự trữ khoáng sản quốc gia	2015	2017	(1)
2	Đánh giá tiềm năng quặng chì - kẽm tại các diện tích có triển vọng phát hiện mỏ mới ở Điện Biên và Lai Châu	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng	2016	2020	
3	Đánh giá tiềm năng quặng chì - kẽm tại các diện tích có triển vọng phát hiện mỏ mới phần ẩn sâu rìa Đông Bắc đới Lô Gâm	Phát hiện mỏ ẩn, mở rộng các khu mỏ đã biết theo chiều sâu; đánh giá tiềm năng	2016	2020	

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
4	Đánh giá tiềm năng quặng chì - kẽm tại các diện tích có triển vọng phát hiện mỏ mới, phần sâu trên 300m khu vực Chợ Đồn, Chợ Điền tỉnh Bắc Kạn	Phát hiện mỏ ẩn, mở rộng các khu mỏ đã biết theo chiều sâu; đánh giá tiềm năng	2016	2020	
II. Quặng đồng					
5	Đánh giá tổng thể tiềm năng quặng đồng	Làm rõ tiềm năng tại Tây Bắc và các khu vực có dấu hiệu quặng đồng tại Đông Bắc, Thanh Hóa, Quảng Ngãi và Đắk Lắk; khoanh định khu vực có triển vọng, định hướng quy hoạch đánh giá, thăm dò và dự trữ khoáng sản quốc gia	2015	2017	
6	Đánh giá tiềm năng quặng đồng và khoáng sản đi kèm trong các diện tích có triển vọng quặng ẩn sâu ở Lào Cai	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng quặng đồng và khoáng sản đi kèm ẩn sâu	2016	2020	
7	Đánh giá tiềm năng quặng đồng và khoáng sản đi kèm trong các diện tích có triển vọng quặng ẩn sâu vùng Sơn La - Hòa Bình	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng quặng đồng và khoáng sản đi kèm ẩn sâu	2016	2020	

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
III. Quặng thiếc, wolfram					
8	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng thiếc và các kim loại hiếm đi cùng	Làm rõ tiềm năng, khoanh định khu vực có triển vọng quặng thiếc và các khoáng sản khác đi cùng phục vụ đánh giá, thăm dò và dự trữ khoáng sản quốc gia	2015	2016	
9	Đánh giá tiềm năng các diện tích có triển vọng nhất vùng quặng thiếc - vàng phía Đông khối Hoàng Su Phì, Hà Giang và thiếc Pia Oắc	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng	2015	2017	Bao gồm cả đề án thiếc Pia Oắc, đang đánh giá
10	Đánh giá tiềm năng các diện tích có triển vọng nhất vùng quặng thiếc Lâm Đồng - Khánh Hòa	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng thuộc đới Đà Lạt	2014	2017	
11	Đánh giá tiềm năng các diện tích có triển vọng nhất vùng quặng thiếc Tây Nghệ An, trong cấu trúc đới Phu Hoạt	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng	2016	2019	
IV. Quặng vàng					
12	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng vàng	Làm rõ tiềm năng, khoanh định khu vực có triển vọng quặng vàng và các khoáng sản đi cùng để đánh giá, thăm dò	2015	2018	(2)

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
13	Đánh giá tiềm năng quặng vàng và các khoáng sản đi kèm trong cấu trúc nếp lồi Cẩm Thủy	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng vàng và các khoáng sản đi kèm	2015	2020	
14	Đánh giá tiềm năng quặng vàng và các khoáng sản đi kèm trong các diện tích có triển vọng Nam cấu trúc Phu Hoạt, Tây Nghệ An	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng quặng vàng và khoáng sản đi kèm ẩn sâu	2015	2018	
15	Đánh giá tiềm năng quặng vàng trong các diện tích có triển vọng đới Hoành Sơn	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng quặng vàng và khoáng sản đi kèm ẩn sâu	2015	2018	
16	Đánh giá tiềm năng quặng vàng ẩn sâu trong các diện tích có triển vọng vùng Đắk Rông - A Lưới	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng quặng vàng và khoáng sản đi kèm ẩn sâu	2018	2020	
17	Đánh giá tiềm năng quặng vàng ẩn sâu trong các diện tích có triển vọng vùng Phước Sơn - Tam Kỳ	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng quặng vàng và khoáng sản đi kèm ẩn sâu	2015	2018	
18	Đánh giá tiềm năng quặng vàng ẩn sâu trong các diện tích có triển vọng đới Pô Cô	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng	2025	2030	

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
19	Đánh giá tiềm năng quặng vàng ẩn sâu trong các diện tích có triển vọng vùng Tây Gia Lai	Phát hiện mỏ mới, đánh giá tiềm năng	2020	2025	
V. Quặng đất hiếm					
20	Đánh giá tổng thể tiềm năng quặng đất hiếm, khoanh định các khu vực có triển vọng phát hiện mỏ mới	Làm rõ mức độ điều tra, đánh giá thăm dò, xác định tiềm năng và khoanh định các khu vực có triển vọng quặng đất hiếm tại các vùng đã có dị thường vùng Tây Bắc; đới Lô Gâm và đới Sông Hiến và vùng Tây Nghệ An. Mục tiêu: Phát hiện và đánh giá 3 đến 5 mỏ mới để dự trữ quốc gia	2013	2020	Đang lập đề án
VI. Đá hoa trắng					
21	Đánh giá tổng thể tiềm năng đá hoa trắng miền Bắc Việt Nam	Làm rõ tiềm năng đá hoa trắng trên địa bàn các tỉnh gồm: Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nam, Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang và Bắc Kạn phục vụ quản lý, quy hoạch thăm dò, khai thác và dự trữ khoáng sản quốc gia	2014	2017	

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
VII. Đá ốp lát					
22	Đánh giá tổng thể tiềm năng đá ốp từ Thanh Hóa đến đèo Hải Vân	Làm rõ tiềm năng đá ốp lát các loại (đá vôi, đá gabro, granit, bazan) phục vụ quản lý, quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	2015	2019	
23	Đánh giá tổng thể tiềm năng đá ốp từ đèo Hải Vân đến Bình Thuận	Làm rõ tiềm năng đá ốp lát (đá granit, gabro) các loại phục vụ quản lý, quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	2015	2019	
VIII. Than năng lượng					
24	Đánh giá tiềm năng tài nguyên than từ mức - 500m đến đáy tầng than bể than Quảng Ninh	Đánh giá tiềm năng than mức - 500m đến đáy tầng than	2015	2020	
IX. Các loại khoáng sản khác					
25	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng sắt	Làm rõ tiềm năng quặng sắt vùng Tây Bắc, Trung Bộ phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	2015	2020	(3)
26	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng mangan	Làm rõ tiềm năng quặng mangan tại các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Nghệ An và Hà Tĩnh phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	2015	2020	(4)

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
27	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng antimon	Làm rõ tiềm năng quặng antimon của vùng Tây Bắc, Trung Bộ và Tây Nguyên phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	2015	2020	(5)
28	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên đá bán quý và đá cảnh	Làm rõ tiềm năng đá bán quý và đá cảnh tập trung tại các tỉnh Bắc Kạn, Yên Bái, Quảng Ngãi, Phú Quốc và khu vực Tây Nguyên phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng	2015	2020	(6)
29	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên quặng barit	Làm rõ tiềm năng quặng barit ở Tây Bắc, Việt Bắc	2015	2020	(7)
30	Đánh giá tổng thể tiềm năng tài nguyên khoáng sản cát trắng ven biển Việt Nam	Làm rõ tiềm năng quặng cát trắng ven biển trên địa bàn các tỉnh từ Quảng Ninh đến Bà Rịa - Vũng Tàu phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng hợp lý và dự trữ khoáng sản quốc gia	2014	2020	(8)
31	Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản quarzit	Làm rõ tiềm năng quặng quarzit trên địa bàn các tỉnh trung du, miền núi và khu vực Tây Nguyên, phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng hợp lý	2015	2020	(9)

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
32	Đánh giá tổng thể tiềm năng quặng kaolin, felspat	Làm rõ tiềm năng quặng kaolin, felspat phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng hợp lý	2015	2020	(10)
33	Đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản sét bentonit, diatomit	Làm rõ tiềm năng quặng sét bentonit, diatomit ở Trung, Nam Bộ và Tây Nguyên phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng hợp lý	2015	2020	(11)
34	Đánh giá tổng thể tiềm năng cát xây dựng tại các cửa sông từ Thanh Hóa đến Bà Rịa - Vũng Tàu	Làm rõ tiềm năng cát xây dựng tại các cửa sông từ Thanh Hóa đến Bà Rịa - Vũng Tàu, định hướng quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng hợp lý	2014	2016	
35	Đánh giá tiềm năng đá carbonat sử dụng sản xuất vôi công nghiệp	Đánh giá tổng thể tiềm năng đá carbonat đủ tiêu chuẩn sản xuất vôi (ngoài các khu vực quy hoạch thăm dò khai thác đá vôi xi măng và vùng cấm) thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ nhằm định hướng quy hoạch khai thác sử dụng hợp lý tại các địa phương	2013	2016	(12)

TT	Tên đề án	Mục tiêu, nhiệm vụ	Thời gian khởi công	Thời gian kết thúc	Ghi chú
36	Đánh giá tổng thể tiềm năng địa nhiệt và các loại khoáng chất công nghiệp còn lại (talc, fluorit, vermiculit, muscovit, sienit, nephelin....) và khoáng sản đi kèm	Làm rõ tiềm năng địa nhiệt và từng loại quặng (talc, fluorit, vermiculit, muscovit, sienit, nephelin....) phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác sử dụng hợp lý	2015	2025	(13)
37	Đánh giá tiềm năng sa khoáng titan, zircon và các khoáng sản rắn đi kèm trên một số diện tích có triển vọng thuộc vùng biển miền Trung Việt Nam, tỷ lệ 1:10.000	Phát hiện, đánh giá tiềm năng các mỏ khoáng sản mới vùng ven biển miền Trung	2015	2020	

Danh mục 13 đề án được đánh số từ (1) đến (13) ở cột Ghi chú thuộc loại đề án khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản (có thể chia thành các đề án nhỏ theo đơn vị tỉnh, thành phố hoặc vùng, miền). Đồng thời căn cứ nhu cầu nguyên liệu cấp bách hoặc quy hoạch xây dựng các công trình vĩnh cửu trên khu vực có khoáng sản ở các địa phương; nhu cầu tham gia đầu tư của các tổ chức, cá nhân có thể ưu tiên thực hiện trước năm 2015.

Phụ lục III

CÁC ĐỀ ÁN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đề án	Mục tiêu	Ghi chú
1	Đề án đào tạo nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật, quản lý	Đào tạo lại và đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ kỹ thuật, quản lý phù hợp công nghệ mới	Thực hiện thường xuyên hàng năm
2	Thiết bị khoan	Thiết bị viễn thám; thiết bị khoan địa chất đến độ sâu 1.200m	Đầu tư theo nhu cầu nhiệm vụ trong từng kỳ quy hoạch
3	Thiết bị địa vật lý	Đầu tư thiết bị đo địa vật lý hiện đại	,,
4	Thiết bị phân tích thí nghiệm	Đầu tư mua sắm các thiết bị phân tích hiện đại	,,
5	Thiết bị trắc địa, viễn thám	Bổ sung thiết bị hiện đại, năng suất cao	,,
6	Thiết bị vận tải chuyên dụng		,,
7	Đề án đầu tư trang thiết bị phục vụ điều tra, đánh giá khoáng sản biển	Đầu tư mua sắm các thiết bị phân tích đặc thù và phương tiện vận chuyển phục vụ công tác điều tra khoáng sản biển	,,